

CÁC BỘ**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN****QUYẾT ĐỊNH số 113/2001/QĐ-BNN**

**ngày 28/11/2001 về việc ban hành
Danh mục các chỉ tiêu kỹ thuật
tối thiểu bắt buộc phải công bố
khi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở là
hàng hóa thức ăn chăn nuôi.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 08 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi;

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT TỐI THIỂU BẮT BUỘC PHẢI CÔNG BỐ
KHI XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN CƠ SỞ LÀ HÀNG HÓA THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 113/2001/QĐ-BNN ngày 28/11/2001
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1. Đối với hàng hóa là thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh:			
1	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
2	Năng lượng trao đổi	Kcal/kg	Không nhỏ hơn
3	Protein thô	%	Không nhỏ hơn
4	Xơ thô	%	Không lớn hơn

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khuyến nông và khuyến lâm, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các chỉ tiêu kỹ thuật tối thiểu bắt buộc phải công bố khi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở là hàng hóa thức ăn chăn nuôi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Khuyến nông và khuyến lâm, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn**
Thứ trưởng

BÙI BÁ BỔNG

5	Canxi	%	Trong khoảng
6	Phot pho tổng số	%	Không nhỏ hơn
7	Natri clorua (NaCl)	%	Trong khoảng
8	Lizin	%	Không nhỏ hơn
9	Metionin + Xixtin	%	Không nhỏ hơn
10	Treonin	%	Không nhỏ hơn
11	Khoáng không tan trong axit Clohydric (cát sạn)	%	Không lớn hơn
12	Aflatoxin tổng số	ppb	Không lớn hơn
13	Dược liệu hoặc kháng sinh (nếu sử dụng phải nêu tên và hàm lượng cụ thể)	mg/kg	Không lớn hơn
14	Hoócmon		Không được phép
15	Các chỉ tiêu khác		Theo quy định hiện hành
2. Đối với hàng hóa là thức ăn đậm đặc:			
1	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
2	Năng lượng trao đổi	Kcal/kg	Không nhỏ hơn
3	Protein thô	%	Không nhỏ hơn
4	Xơ thô	%	Không lớn hơn
5	Canxi	%	Trong khoảng
6	Phot pho tổng số	%	Không nhỏ hơn
7	Natri clorua (NaCl)	%	Trong khoảng
8	Lizin	%	Không nhỏ hơn
9	Metionin + Xixtin	%	Không nhỏ hơn
10	Treonin	%	Không nhỏ hơn
11	Khoáng không tan trong axit Clohydric (cát sạn)	%	Không lớn hơn
12	Aflatoxin tổng số	ppb	Không lớn hơn
13	Dược liệu hoặc kháng sinh (nếu sử dụng phải nêu tên và hàm lượng cụ thể)	mg/kg	Không lớn hơn
14	Hoócmon		Không được phép
15	Các chỉ tiêu khác		Theo quy định hiện hành
3. Đối với hàng hóa là premix vitamin:			
1	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
2	Chất mang (tên và hàm lượng cụ thể)	%	
3	Các loại vitamin có trong sản phẩm		Không nhỏ hơn
4	Khoáng không tan trong axit Clohydric (cát sạn)	%	Không lớn hơn
5	Dược liệu, kháng sinh hoặc chất phụ gia (nếu sử dụng phải nêu tên và hàm lượng cụ thể)		Không lớn hơn
6	Hoócmon		Không được phép
4. Đối với hàng hóa là premix khoáng:			
1	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
2	Các loại nguyên tố khoáng chủ yếu có trong sản phẩm	% hoặc mg/kg	Trong khoảng
3	Khoáng không tan trong axit Clohydric (cát sạn)	%	Không lớn hơn
4	Kim loại nặng khác	mg/kg	Theo quy định hiện hành
5	Hoócmon		Không được phép
5. Đối với hàng hóa là premix vitamin - khoáng:			
1	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
2	Các loại vitamin có trong sản phẩm		Không nhỏ hơn

09641718

3	Các loại nguyên tố khoáng chủ yếu có trong sản phẩm	% hoặc mg/kg	Trong khoảng
4	Chất mang (tên và hàm lượng cụ thể)	%	
5	Khoáng không tan trong axit Clohydric (cát sạn)	%	Không lớn hơn
6	Kim loại nặng khác	mg/kg	Theo quy định hiện hành
7	Dược liệu, kháng sinh hoặc chất phụ gia (nếu sử dụng phải nêu tên và hàm lượng cụ thể)		Không lớn hơn
8	Hoócmon		Không được phép
6. Đối với hàng hóa là phụ gia thức ăn chăn nuôi:			
1	Dạng sản phẩm		
2	Các chỉ tiêu cảm quan		
3	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
4	Tên, công thức hóa học (nếu có) và hàm lượng hoạt chất chính		
5	Hoócmon		Không được phép
6	Những chỉ tiêu đặc trưng khác		

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

BÙI BÁ BỔNG

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 141/2001/QĐ-BTC
ngày 21/12/2001 về việc ban hành
Chế độ kế toán ngân sách và tài
chính xã.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh Kế toán và thống kê ngày 20 tháng 5 năm 1988;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách

nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ;

Căn cứ Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 999/TC/QĐ-CKT ngày 02/11/1996 của Bộ Tài chính;

Để hướng dẫn công tác kế toán xã phù hợp với đặc điểm hoạt động ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn và đưa công tác quản lý ngân sách - tài chính - kế toán xã, phường, thị trấn đi vào nề nếp;

09641718

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft